

Số: *2422* /QĐ-UBND

Hà Nam, ngày *20* tháng *12* năm *2018*

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính
thuộc phạm vi chức năng quản lý của ngành Tư pháp**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày
08 tháng 6 năm 2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số
48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của
các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số
92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung
một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của
Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Tư pháp và Chánh Văn phòng UBND tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính
mới ban hành và được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, bồi
thường nhà nước, hòa giải ở cơ sở thực thuộc phạm vi chức năng quản lý của
ngành Tư pháp (có danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp;
Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố
và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Cục Kiểm soát TTHC- VPCP (để b/c);
- TTTU, TTHĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: LĐVP, KSTT, TTHCC
- Lưu: VT, KSTT(Q).



Nguyễn Xuân Đông



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA NGÀNH TƯ PHÁP
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2422/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2018
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực Bồi thường nhà nước					
A. Thủ tục hành chính cấp tỉnh					
1	Thủ tục xác định cơ quan giải quyết bồi thường	02 ngày làm việc	Trung tâm hành chính công tỉnh	Không	- Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017; - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước.
2	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	25 ngày (trường hợp thông thường)	Trung tâm hành chính công tỉnh	Không	- Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017; - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước; - Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu trong công tác bồi thường nhà nước.
3	Thủ tục phục hồi danh dự	05 ngày	Trung tâm hành chính công tỉnh	Không	- Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017; - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước;

					- Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu trong công tác bồi thường nhà nước.
--	--	--	--	--	---

B. Thủ tục hành chính cấp huyện

1	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	25 ngày (trường hợp thông thường)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không	- Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017; - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước; - Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu trong công tác bồi thường nhà nước.
2	Thủ tục phục hồi danh dự	05 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không	- Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017; - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước; - Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu trong công tác bồi thường nhà nước.

C. Thủ tục hành chính cấp xã

1	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại	02 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Không	- Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước năm 2017; - Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của nhà nước; - Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu trong công tác bồi thường nhà nước.
---	--	------------------	---	-------	--

II. Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý

1	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với Luật sư	11 ngày	Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý.
---	---	---------	--------------------------------	-------	---

2	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật	11 ngày	Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý.
3	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	02 ngày làm việc	Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý.
4	Thủ tục chấm dứt đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	01 ngày làm việc	Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý.
5	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý	Giải quyết ngay	Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 19/2011/TT-BTP ngày 31/10/2011 của Bộ Tư pháp về sửa đổi, bổ sung một số quy định về thủ tục hành chính của Thông tư số 05/2008/TT-BTP ngày 23/9/2008; Thông tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25/8/2008, Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/2/2010; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý.
6	Thủ tục cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	03 ngày làm việc	Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý.

					động trợ giúp pháp lý.
7	Thủ tục cấp lại thẻ công tác viên trợ giúp pháp lý	03 ngày làm việc	Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý.
8	Thủ tục đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	03 ngày	Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý.
9	Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	02 ngày làm việc	Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	- Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017; - Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều của Luật Trợ giúp pháp lý và hướng dẫn giấy tờ trong hoạt động trợ giúp pháp lý.
10	Thủ tục giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý	07 ngày	Trung tâm Hành chính công tỉnh	Không	Luật Trợ giúp pháp lý năm 2017
III. Lĩnh vực hòa giải ở cơ sở					
A. Thủ tục hành chính cấp huyện					
1	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	05 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện	Không	- Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hòa giải ở cơ sở.

B. Thủ tục hành chính cấp xã

1	Thủ tục công nhận hòa giải viên	02 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN
2	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	02 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN
3	Thủ tục thôi làm hòa giải viên	02 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN
4	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	03 ngày	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013; - Nghị định số 15/2014/NĐ-CP.